

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

---

Hà Nội, tháng 3 năm 2011

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Á Phi	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Thu	Ủy viên
Ông Dương Văn Cơ	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2010)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2010)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Á Phi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 23 tháng 3 năm 2011*

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 03 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 23 tháng 3 năm 2011*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

---

**Nguyễn Minh Hiền**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1286/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>599.820.182.513</b>	<b>419.380.786.770</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>151.872.520.736</b>	<b>26.547.503.440</b>
1. Tiền	111		101.872.520.736	14.547.503.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	12.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>343.637.309.406</b>	<b>279.118.801.803</b>
1. Phải thu khách hàng	131		123.623.905.335	159.781.059.324
2. Trả trước cho người bán	132		5.342.615.833	1.696.699.149
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	217.208.131.339	114.676.874.479
4. Các khoản phải thu khác	135	7	7.603.390.237	7.883.605.461
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(10.140.733.338)	(4.919.436.610)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>100.730.834.398</b>	<b>103.317.450.003</b>
1. Hàng tồn kho	141		100.730.834.398	103.317.450.003
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.579.517.973</b>	<b>10.397.031.524</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		389.622.486	1.198.328.095
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.449.242.598	8.115.186.089
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		340.058.889	329.198.027
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		400.594.000	754.319.313
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>461.980.899.395</b>	<b>456.408.805.298</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>224.061.703.093</b>	<b>225.298.106.923</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	162.844.700.204	175.317.909.804
- Nguyên giá	222		223.401.772.278	224.739.041.366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.557.072.074)	(49.421.131.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	14.013.803.511	13.669.816.737
- Nguyên giá	228		16.992.295.838	15.203.901.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.978.492.327)	(1.534.085.047)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	47.203.199.378	36.310.380.382
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>149.884.595.782</b>	<b>143.184.057.749</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	121.987.708.826	121.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	25.377.064.426	20.280.374.426
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	6.663.096.819	6.071.333.397
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.143.274.289)	(5.155.358.900)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>88.034.600.520</b>	<b>87.926.640.626</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	86.998.781.948	87.389.140.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.035.818.572	537.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.061.801.081.908</b>	<b>875.789.592.068</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>512.321.750.897</b>	<b>337.147.529.213</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>488.588.022.135</b>	<b>287.481.628.112</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	184.809.106.560	74.231.394.292
2. Phải trả người bán	312		219.202.766.577	165.641.433.695
3. Người mua trả tiền trước	313		2.602.880.313	4.362.009.243
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	12.903.668.004	16.936.224.342
5. Phải trả người lao động	315		16.627.792.944	17.581.662.114
6. Chi phí phải trả	316		4.084.601.546	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	46.754.861.818	8.564.734.308
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.602.344.373	164.170.118
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.733.728.762</b>	<b>49.665.901.101</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	23.205.600.405	49.398.221.368
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		528.128.357	267.679.733
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>549.479.331.011</b>	<b>538.642.062.855</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>549.479.331.011</b>	<b>538.642.062.855</b>
1. Vốn điều lệ	411		264.998.230.000	264.998.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		129.164.270.000	129.164.270.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		99.502.636.970	92.918.876.291
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.257.000.000	8.257.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.606.894.041	43.353.386.564
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.061.801.081.908</b>	<b>875.789.592.068</b>

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 3 năm 2011

**Nguyễn Hữu Quang**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2010	2009
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>2.282.867.775.613</b>	<b>1.529.866.808.875</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		542.654.965	435.811.171
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>2.282.325.120.648</b>	<b>1.529.430.997.704</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	2.102.335.813.869	1.365.836.732.355
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>179.989.306.779</b>	<b>163.594.265.349</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	38.879.586.533	38.780.712.617
7. Chi phí tài chính	22	24	20.535.352.376	8.135.014.794
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>9.200.958.816</i>	<i>3.607.411.420</i>
8. Chi phí bán hàng	24		130.768.794.901	123.325.760.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.537.916.499	12.221.545.030
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>47.026.829.536</b>	<b>58.692.657.798</b>
11. Thu nhập khác	31	25	40.302.002.924	4.888.842.453
12. Chi phí khác	32	26	40.997.956.414	3.331.775.293
<b>13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(695.953.490)</b>	<b>1.557.067.160</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>46.330.876.046</b>	<b>60.249.724.958</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.222.304.318	3.108.754.279
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(498.318.572)	(537.500.000)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>45.606.890.300</b>	<b>57.678.470.679</b>

**Trần Văn Thanh**  
Tông Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2011

**Nguyễn Hữu Quang**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(Theo phương pháp gián tiếp)

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>46.330.876.046</b>	<b>60.249.724.958</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.439.491.025	15.410.687.721
Các khoản dự phòng	03	4.469.660.741	(19.039.392.983)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	3.677.039.689
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(37.671.952.819)	(37.819.728.359)
Chi phí lãi vay	06	9.200.958.816	3.607.411.420
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>39.769.033.809</b>	<b>26.085.742.446</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(55.336.036.270)	(6.677.517.334)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	2.586.615.605	(82.741.023.412)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	61.462.149.262	19.742.259.787
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	1.199.064.287	(4.130.000)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.072.684.724)	(3.607.411.420)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.383.315.172)	(3.948.400.364)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.456.426.888	74.880.031.832
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.834.977.889)	42.908.325.828
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>40.846.275.796</b>	<b>66.637.877.363</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.730.109.071)	(41.716.469.315)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	762.000.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(133.399.939.185)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	131.597.370.209
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	19.294.131.329
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.631.138.303	3.804.586.504
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.098.970.768)</b>	<b>(19.658.319.640)</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**MẪU SỐ B 03-DN**  
*Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	940.458.015.480	332.721.788.868
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(829.880.303.212)	(380.746.604.563)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(14.995.309.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>110.577.712.268</b>	<b>(63.020.125.495)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>125.325.017.296</b>	<b>(16.040.567.772)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>26.547.503.440</b>	<b>42.514.351.327</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	73.719.885
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>151.872.520.736</b>	<b>26.547.503.440</b>
<b>Số dư tiền trên BCĐKT</b>		<b>151.872.520.736</b>	<b>26.547.503.440</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.164.625.000 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

---

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 23 tháng 3 năm 2011*

---

**Nguyễn Hữu Quang**  
**Kế toán trưởng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003549, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31 tháng 12 năm 2009 với số vốn điều lệ là 264.998.230.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,36% vốn điều lệ.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 493 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 406 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty với báo cáo tài chính của Chi nhánh Gas Petrolimex Hà Nội và thực hiện bù trừ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả và doanh thu, giá vốn nội bộ giữa hai đơn vị này.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b><u>2010</u></b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) tại ngày trích lập dự phòng; hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC) hoặc Upcom, giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vô bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

**Phân bổ giá trị vô bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được**

Giá trị vô bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 15 năm theo Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2009, Công ty sẽ áp dụng Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính để xác định giá trị phân bổ chi phí vô bình gas; theo đó, thời gian phân bổ đối với các vô bình gas loại có giá trị dưới 10 triệu đồng/vô được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm. Trường hợp các vô bình gas đã tiến hành phân bổ giá trị theo hướng dẫn tại Công văn số 7640 TC/TCT ngày 21 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài chính thì Công ty không thực hiện điều chỉnh lại.

Ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vô bình gas.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Công ty áp dụng tỷ giá 19.500 đồng/USD – là tỷ giá bán ra bằng chuyển khoản của Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) để chuyển đổi các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán ra Đồng Việt Nam.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng hai năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (2004 và 2005) và giảm 50% cho ba năm tiếp theo (từ 2006 đến 2008).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Công ty bắt đầu niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006. Theo quy định tại Công văn số 10997 CV/BTC-CST ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (2009 và 2010) tính từ khi kết thúc thời hạn được miễn, giảm thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.572.225.494	4.839.339.405
Tiền gửi ngân hàng	99.115.295.242	9.708.164.035
Tiền đang chuyển	185.000.000	-
Các khoản tương đương tiền(*)	50.000.000.000	12.000.000.000
	<b>151.872.520.736</b>	<b>26.547.503.440</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. KHOẢN PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ)		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>	53.195.712.511	22.991.002.273
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>	46.656.565.504	31.528.935.060
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>	92.113.948.991	39.289.712.225
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>	25.241.904.333	20.867.224.921
	<b><u>217.208.131.339</u></b>	<b><u>114.676.874.479</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu cổ tức	4.748.853.221	2.040.000.000
Gas hóa lỏng vay trả	18.616.000	1.547.512.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	370.594.000	445.244.563
Phải thu ngắn hạn khác	2.465.327.016	3.850.848.898
	<b><u>7.603.390.237</u></b>	<b><u>7.883.605.461</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.296.750.000	19.925.210.571
Nguyên liệu, vật liệu	4.476.125.650	4.368.094.980
Công cụ, dụng cụ	-	932.746.709
Thành phẩm	-	62.478.000
Hàng hóa	94.957.958.748	78.028.919.743
<b>Cộng</b>	<b><u>100.730.834.398</u></b>	<b><u>103.317.450.003</u></b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b><u>100.730.834.398</u></b>	<b><u>103.317.450.003</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND	<u>Máy móc, thiết bị</u> VND	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Dụng cụ quản lý</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>175.888.368.873</b>	<b>29.596.531.804</b>	<b>17.975.436.591</b>	<b>1.278.704.098</b>	<b>224.739.041.366</b>
Mua sắm mới	1.273.334.579	1.839.564.995	3.128.256.632	247.433.638	6.488.589.844
Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.555.095.991	437.250.182	-	-	4.992.346.173
Bàn giao cho các công ty con	(7.915.290.167)	(3.960.010.808)	(904.405.104)	(14.227.619)	(12.793.933.698)
Giảm khác	(24.271.407)	-	-	-	(24.271.407)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>173.777.237.869</b>	<b>27.913.336.173</b>	<b>20.199.288.119</b>	<b>1.511.910.117</b>	<b>223.401.772.278</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>22.636.423.369</b>	<b>16.070.308.150</b>	<b>9.934.499.677</b>	<b>779.900.366</b>	<b>49.421.131.562</b>
Khấu hao trong năm	11.296.386.267	3.021.916.109	1.527.422.824	145.387.633	15.991.112.833
Bàn giao cho các công ty con	(2.259.212.461)	(2.012.578.213)	(559.687.026)	(14.227.619)	(4.845.705.319)
Giảm khác	(9.467.002)	-	-	-	(9.467.002)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>31.664.130.173</b>	<b>17.079.646.046</b>	<b>10.902.235.475</b>	<b>911.060.380</b>	<b>60.557.072.074</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>142.113.107.696</b>	<b>10.833.690.127</b>	<b>9.297.052.644</b>	<b>600.849.737</b>	<b>162.844.700.204</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>153.251.945.504</b>	<b>13.526.223.654</b>	<b>8.040.936.914</b>	<b>498.803.732</b>	<b>175.317.909.804</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 19.948.432.775 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 18.432.680.933 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất(*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>13.958.942.522</b>	<b>1.244.959.262</b>	<b>15.203.901.784</b>
Tăng do mua sắm	-	1.832.525.636	1.832.525.636
Bàn giao công ty con	(44.131.582)	-	(44.131.582)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>13.914.810.940</b>	<b>3.077.484.898</b>	<b>16.992.295.838</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>1.294.959.145</b>	<b>239.125.902</b>	<b>1.534.085.047</b>
Trích khấu hao trong năm	464.257.856	984.120.336	1.448.378.192
Bàn giao công ty con	(3.970.912)	-	(3.970.912)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1.755.246.089</b>	<b>1.223.246.238</b>	<b>2.978.492.327</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>12.159.564.851</b>	<b>1.854.238.660</b>	<b>14.013.803.511</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>12.663.983.377</b>	<b>1.005.833.360</b>	<b>13.669.816.737</b>

(\*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình mở rộng kho gas Đình Vũ (*)	-	(1.156.368.555)
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	22.511.075.896	10.018.821.546
Công trình kho gas Đình Vũ giai đoạn 2	-	4.035.174.070
Đầu tư mua Xe tải 8,6 tấn Hino	-	1.224.353.986
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	19.833.433.000	19.808.000.000
Công trình kho gas Trà Nóc mở rộng	1.924.776.000	-
Công trình khác	2.933.914.482	2.380.399.335
	<b>47.203.199.378</b>	<b>36.310.380.382</b>

(\*) Công trình kho Đình Vũ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty hạch toán tạm tăng tài sản cố định theo giá trị tạm quyết toán. Số dư công trình âm là do giá trị tạm tăng lớn hơn giá trị chi phí thực tế tổng hợp được. Phần giá trị âm này Công ty sẽ phải trả cho nhà thầu xây dựng nhưng do nhà thầu chưa xuất hóa đơn cho giá trị này nên Công ty chưa ghi nhận vào chi phí xây dựng công trình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

<b>Vốn đầu tư tại các Công ty con</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	11.487.708.826	11.487.708.826
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	20.500.000.000	20.500.000.000
	<b>121.987.708.826</b>	<b>121.987.708.826</b>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex	20.377.064.426	20.280.374.426
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	5.000.000.000	-
	<b>25.377.064.426</b>	<b>20.280.374.426</b>
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	(413.274.289)	(1.425.358.900)
	<b>24.963.790.137</b>	<b>18.855.015.526</b>

**14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư cổ phiếu	5.730.000.000	5.826.690.000
Đầu tư dài hạn khác	933.096.819	244.643.397
	<b>6.663.096.819</b>	<b>6.071.333.397</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(3.730.000.000)	(3.730.000.000)
	<b>2.933.096.819</b>	<b>2.341.333.397</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm khoản dự phòng giảm giá 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh với số tiền 2.120.000.000 đồng, dự phòng giảm giá 100.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Dệt may Hà Nội với số tiền 1.610.000.000 đồng, được trích trên cơ sở chênh lệch giữa giá Công ty mua thực tế và mệnh giá của cổ phiếu. Đến ngày 14 tháng 01 năm 2011, Cổ phiếu Công ty Cổ phần Than Vàng Danh đã được chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Tiền thuê đất</b>	<b>Vô bình gas</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>22.812.818.977</b>	<b>64.223.051.484</b>	<b>353.270.165</b>	<b>87.389.140.626</b>
Tăng trong năm	-	27.426.034.353	1.648.400.649	29.074.435.002
Bản giao cho các công ty con	-	(18.481.186.386)	(54.327.089)	(18.535.513.475)
Phân bổ vào chi phí trong năm	(612.469.932)	(8.979.227.517)	(1.337.582.756)	(10.929.280.205)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>22.200.349.045</b>	<b>64.188.671.934</b>	<b>609.760.969</b>	<b>86.998.781.948</b>

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội	-	7.812.921.202
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam [*]	184.809.106.560	66.418.473.090
	<b>184.809.106.560</b>	<b>74.231.394.292</b>

[\*] Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 100235/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 23 tháng 8 năm 2010 với hạn mức 450 tỷ VND, trong đó: hạn mức cho vay là 230 tỷ VND, hạn mức tài trợ thương mại là 450 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng của mỗi lần rút vốn sẽ đảo hạn tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn với trường hợp cho vay và không quá 60 ngày đối với trường hợp chiết khấu chứng từ hàng xuất khẩu, giải ngân bằng VND và USD. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Giá trị gia tăng	8.968.826.569	16.223.309.396
Thuế xuất, nhập khẩu	3.210.583.635	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.975.498	31.074.231
Thuế thu nhập cá nhân	387.282.302	681.840.715
	<b>12.903.668.004</b>	<b>16.936.224.342</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cổ tức	26.560.757.800	70.722.800
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.261.549.133	-
Gas hóa lỏng vay trả	4.845.000.000	18.616.000
Kinh phí công đoàn	1.161.801.577	950.732.909
Đoàn phí công đoàn	209.545.921	209.545.921
Bảo hiểm xã hội	94.602.528	762.212.000
Phải trả phải nộp khác	8.621.604.859	6.552.904.678
	<b>46.754.861.818</b>	<b>8.564.734.308</b>

**19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>49.398.221.368</b>	<b>36.590.116.695</b>
Tăng lên trong năm	12.136.077.848	16.467.893.678
Bàn giao cho các công ty con	(34.649.047.851)	-
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(3.679.650.960)	(3.659.789.005)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.205.600.405</b>	<b>49.398.221.368</b>

(\*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2009, việc kết chuyển sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng VND
		VND	Cổ phiếu quỹ VND			VND	
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>144.162.500.000</b>	<b>(45.570.000)</b>	<b>92.918.876.291</b>	<b>8.257.000.000</b>	<b>654.092.027</b>	<b>495.946.898.318</b>
Tăng vốn trong năm	14.998.230.000	-	-	-	-	-	14.998.230.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	57.678.470.679	57.678.470.679
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.130.000)	-	-	-	(4.130.000)
Giảm thặng dư vốn cổ phần	-	(14.998.230.000)	-	-	-	-	(14.998.230.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(14.998.236.000)	(14.998.236.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	19.059.858	19.059.858
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>264.998.230.000</b>	<b>129.164.270.000</b>	<b>(49.700.000)</b>	<b>92.918.876.291</b>	<b>8.257.000.000</b>	<b>43.353.386.564</b>	<b>538.642.062.855</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	45.606.890.300	45.606.890.300
Trả cổ tức bằng cổ phiếu thường	-	-	-	-	-	(26.496.470.000)	(26.496.470.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.583.760.679	2.000.000.000	(16.156.912.823)	(7.573.152.144)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>264.998.230.000</b>	<b>129.164.270.000</b>	<b>(49.700.000)</b>	<b>99.502.636.970</b>	<b>10.257.000.000</b>	<b>45.606.894.041</b>	<b>549.479.331.011</b>

**b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:**

	Tỷ lệ	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	52,36%	138.761.420.000	138.761.420.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,64%	126.236.810.000	126.236.810.000
	<b>100,00%</b>	<b>264.998.230.000</b>	<b>264.998.230.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 4 năm 2010, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2009 là 16%. Trong năm 2009, Công ty đã thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 là 14.998.236.000 VND (tỷ lệ 6%) và thanh toán bằng tiền mặt. Việc thanh toán đợt 2 sẽ được thực hiện với giá trị 26.496.470.000 VND (tỷ lệ 10%) và bằng cổ phiếu. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận số tiền cổ tức đợt 2 phải trả trên tài khoản phải trả, phải nộp khác.

**e. Số cổ phiếu đang lưu hành**

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 26.499.823 cổ phần, trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.267.793.669.836	1.515.888.193.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.851.799.852	9.883.015.292
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	3.679.650.960	3.659.789.005
	<b><u>2.282.325.120.648</u></b>	<b><u>1.529.430.997.704</u></b>
<b>Trong đó</b>		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con) (*)	1.299.723.454.865	887.174.891.360
Doanh thu với đối tượng khác	982.601.665.783	642.256.106.344
	<b><u>2.282.325.120.648</u></b>	<b><u>1.529.430.997.704</u></b>

(\*) Công ty ghi nhận phần lãi công nợ phải thu vượt định mức đối với các công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn vào khoản mục “Doanh thu nội bộ” với số tiền là 5.799.117.549 VND. Việc ghi nhận này mặc dù chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác” nhưng không ảnh hưởng đến chỉ tiêu “Lợi nhuận kế toán trước thuế” của Công ty trong năm và nhất quán với quy chế nội bộ của Công ty. Theo quy chế nội bộ này, các công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn không có chức năng đi vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.095.237.491.969	1.361.448.956.802
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.098.321.900	4.387.775.553
	<b>2.102.335.813.869</b>	<b>1.365.836.732.355</b>
<b>Trong đó</b>		
Giá vốn nội bộ (giao dịch với các công ty con)	1.299.723.454.865	887.174.891.360
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	802.612.359.004	478.661.840.995
	<b>2.102.335.813.869</b>	<b>1.365.836.732.355</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	932.704.048	1.050.536.986
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.754.053.176	35.964.982.141
Lãi chênh lệch tỷ giá	453.700.544	960.984.258
Doanh thu hoạt động tài chính khác	739.128.765	804.209.232
	<b>38.879.586.533</b>	<b>38.780.712.617</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	9.200.958.816	3.607.411.420
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.870.530.311	7.254.001.237
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(1.012.084.611)	(3.007.249.283)
Chi phí tài chính khác	475.947.860	280.851.420
	<b>20.535.352.376</b>	<b>8.135.014.794</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bán tài sản cho các công ty con	40.271.658.258	-
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	-	2.279.089.807
Khác	30.344.666	2.609.752.646
	<b>40.302.002.924</b>	<b>4.888.842.453</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bán tài sản cho các công ty con	40.271.658.258	-
Phạt vi phạm hợp đồng	206.474.070	544.532.246
Khác	519.824.086	2.787.243.047
	<b>40.997.956.414</b>	<b>3.331.775.293</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>46.330.876.046</b>	<b>60.249.724.958</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(36.555.415.973)</b>	<b>(35.379.690.726)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	36.761.890.043	35.964.982.141
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	206.474.070	585.291.415
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>9.775.460.073</b>	<b>24.870.034.232</b>
<i>Thu nhập hoạt động được ưu đãi</i>	<i>9.772.485.593</i>	<i>24.870.034.232</i>
<i>Thu nhập hoạt động không được ưu đãi</i>	<i>2.974.480</i>	<i>-</i>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<i>Thuế suất ưu đãi</i>	<i>12,5%</i>	<i>12,5%</i>
<i>Thuế suất thông thường</i>	<i>25,0%</i>	<i>25,0%</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.222.304.318</b>	<b>3.108.754.279</b>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại (**)	(498.318.572)	(537.500.000)

(\*) Công ty chuyển đổi loại hình hoạt động sang công ty cổ phần và niêm yết trên sàn chứng khoán từ năm 2006. Theo quy định tại Công văn số 10997 CV/BTC-CST ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (2009 và 2010) tính từ khi kết thúc thời hạn được miễn, giảm thuế đối với hoạt động chính.

(\*\*) Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm 2010 phát sinh do Công ty đã hoàn nhập một phần khoản dự phòng giám giá chứng khoán đang giao dịch trên thị trường OTC chưa đủ cơ sở theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản vay ngắn hạn và phải trả khách hàng có gốc ngoại tệ tương ứng là 9.477.390 USD và 7.103.273 USD. Các khoản công nợ này được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam như đã trình bày tại thuyết minh số 4 - Ngoại tệ. Việc thanh toán các khoản công nợ này được thực hiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán đã làm phát sinh một khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện khá lớn do có sự chênh lệch đáng kể giữa tỷ giá hối đoái tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày thực hiện thanh toán khoản nợ.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

---

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 23 tháng 3 năm 2011*

---

**Nguyễn Hữu Quang**  
**Kế toán trưởng**